

Số: 574/2025/CBTT-TAL

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) Quý I năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.

- Mã chứng khoán: TAL

- Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0243.793.2525

- Email: info@tasecoland.vn

Website: <https://tasecoland.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

• BCTC Quý I năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc) ☒

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con) ☒

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) ☐

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26 /04/2025 tại đường dẫn: <https://tasecoland.vn/vi/shareholder-document/bao-cai-tai-chinh-nam-2025/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý I năm 2025.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Thị Lan Hương



Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025



Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 55

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104079036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 22 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư và kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Taseco Group").

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, tòa nhà NO2-T1, khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Đức Long	Thành viên	(Bầu mới nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Ông Đỗ Việt Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Trần Tùng	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Xuân Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban	
Bà Lưu Thị Quỳnh Giang	Thành viên	(Bầu mới nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2025)
Ông Đặng Xuân Hiến	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Trần Tùng, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 đề ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Trần Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.518.126.725.045	5.237.170.883.595
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	467.794.654.496	348.281.981.799
111	1. Tiền		277.193.830.441	91.325.901.799
112	2. Các khoản tương đương tiền		190.600.824.055	256.956.080.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		106.817.698.959	66.730.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	106.817.698.959	66.730.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.194.752.828.954	947.392.117.582
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	373.455.774.083	402.566.716.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	431.850.622.911	65.540.647.753
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	110.440.000.000	281.590.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	280.112.927.502	198.801.249.269
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.106.495.542)	(1.106.495.542)
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.657.970.232.798	3.801.818.732.837
141	1. Hàng tồn kho		3.657.970.232.798	3.801.818.732.837
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		90.791.309.838	72.948.051.377
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		31.842.208.106	16.018.116.979
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		58.949.101.732	56.924.601.065
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.333.333

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.912.027.692.934	3.821.916.882.780
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		510.526.337.216	472.671.205.966
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	510.526.337.216	472.671.205.966
220	II. Tài sản cố định		21.924.755.327	23.005.236.536
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.883.477.457	22.959.611.165
222	Nguyên giá		43.529.882.625	43.584.428.080
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.646.405.168)	(20.624.816.915)
227	2. Tài sản cố định vô hình		41.277.870	45.625.371
228	Nguyên giá		302.560.000	302.560.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(261.282.130)	(256.934.629)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	1. Nguyên giá		48.701.493.330	48.701.493.330
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(48.701.493.330)	(48.701.493.330)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		570.751.780.054	493.263.446.163
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	570.751.780.054	493.263.446.163
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	2.797.095.268.891	2.820.215.818.891
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.786.928.228.341	2.786.928.228.341
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.957.950.000	34.078.500.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(790.909.450)	(790.909.450)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.729.551.446	12.761.175.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.620.553.726	4.652.177.504
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	8.108.997.720	8.108.997.720
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.430.154.417.979	9.059.087.766.375

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.335.038.517.297	5.146.088.749.086
310	I. Nợ ngắn hạn		2.610.397.952.769	2.103.000.333.893
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	513.448.019.776	320.713.277.620
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	191.963.105.005	130.792.195.390
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	80.620.983.710	60.897.940.816
314	4. Phải trả người lao động		5.873.129.464	14.957.060.454
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	85.021.585.242	100.806.739.052
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	411.910.784.259	368.006.378.203
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.303.647.466.499	1.080.849.641.322
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	17.912.878.814	25.977.101.036
330	II. Nợ dài hạn		2.724.640.564.528	3.043.088.415.193
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	103.786.581.098	103.786.581.098
338	2. Vay dài hạn	19	2.610.853.983.430	2.929.301.834.095
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.095.115.900.682	3.912.999.017.289
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	4.095.115.900.682	3.912.999.017.289
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.118.500.000.000	2.970.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.118.500.000.000	2.970.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		109.480.005.000	109.480.005.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		867.135.895.682	833.519.012.289
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		833.519.012.288	84.482.551.040
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		33.616.883.394	749.036.461.249
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.430.154.417.979	9.059.087.766.375

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2025

Vũ Thị Khánh Hà
Người lập

Nguyễn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Tùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	325.429.089.764	128.046.409.944	325.429.089.764	128.046.409.944
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	325.429.089.764	128.046.409.944	325.429.089.764	128.046.409.944
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	204.168.434.179	85.491.343.648	204.168.434.179	85.491.343.648
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		121.260.655.585	42.555.066.296	121.260.655.585	42.555.066.296
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.156.269.828	29.642.910.786	6.156.269.828	29.642.910.786
22	7. Chi phí tài chính	24	50.141.531.235	5.692.531.565	50.141.531.235	5.692.531.565
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		44.670.909.798	5.639.073.582	44.670.909.798	5.639.073.582
25	8. Chi phí bán hàng	25	9.704.502.288	411.770.568	9.704.502.288	411.770.568
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24.126.893.993	11.320.083.918	24.126.893.993	11.320.083.918
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.443.997.897	54.773.591.031	43.443.997.897	54.773.591.031
31	11. Thu nhập khác		135.111.084	30.653.331	135.111.084	30.653.331
32	12. Chi phí khác		276.891	76.900	276.891	76.900
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		134.834.193	30.576.431	134.834.193	30.576.431

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2025	Quý I/2024	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.578.832.090	54.804.167.462	43.578.832.090	54.804.167.462
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	9.961.948.696	2.502.875.615	9.961.948.696	2.502.875.615
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		33.616.883.394	52.301.291.847	33.616.883.394	52.301.291.847

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2025



[Handwritten signature]

Nguyễn Trần Tùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

Vũ Thị Khánh Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		43.578.832.090	54.804.167.462
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	22.2	1.080.481.209 (6.160.277.469)	938.092.306 (29.642.910.786)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác	24	44.670.909.798	5.639.073.582
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		83.169.945.628	31.738.422.564
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		(151.485.055.735)	46.946.779.805
10	Tăng hàng tồn kho		143.848.500.039	(11.439.772.429)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		351.747.449.760	(68.427.034.462)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(14.792.467.349)	(250.573.140)
14	Tiền lãi vay đã trả		(65.732.536.731)	(82.243.353.701)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(506.123.871)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.977.101.036)	-
20	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động kinh doanh		320.272.610.705	(83.675.531.363)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(100.092.097.432)	(321.583.551.405)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		50.000.000	-
23	Tiền chi cho vay		(200.000.000.000)	(24.100.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		28.850.000.000	204.225.200.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.120.550.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.422.624.289	12.721.355.041
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(246.648.923.143)	(128.736.996.364)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		147.966.310.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		113.559.797.231	450.210.585.947
34	Tiền trả nợ gốc vay		(209.844.230.621)	(343.633.596.060)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(5.792.891.475)	(183.992.390)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		45.888.985.135	106.392.997.497
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		119.512.672.697	(106.019.530.230)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		348.281.981.799	171.776.740.961
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	467.794.654.496	65.757.210.731

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2025

Vũ Thị Khánh Hà
Người lập

Nguyễn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Tùng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104079036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 22 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư và kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh khác.

Chu kỳ kinh doanh cho hoạt động bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng cho đến thời điểm hoàn thiện và bàn giao cho khách hàng. Theo đó, chu kỳ kinh doanh cho hoạt động bất động sản của Công ty thông thường là trên 12 tháng và của các hoạt động khác thông thường là 12 tháng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Taseco Group").

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, tòa nhà NO2-T1, khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 168 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 168).

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	31 tháng 03 năm 2025			31 tháng 12 năm 2024			Trụ sở chính	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết		
1	Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 ("Công ty ICON4")	72,50%	72,50%	72,50%	72,50%	72,50%	72,50%	Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ xây dựng chuyên dụng, đầu tư kinh doanh bất động sản.
3	Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam ("Công ty Bao bì") (i)	48,05%	66,27%	48,05%	66,27%	66,27%	66,27%	Số 1283 Giải Phóng, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.
4	Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý BĐS")	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quản lý và khai thác tòa nhà, kinh doanh bất động sản.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.
6	Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty ALC Hạ Long")	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%	Lô đất H30-H33 bán đảo số 2, khu đô thị dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống và dịch vụ vận hành dự án sau đầu tư.
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình ("Công ty Yên Bình")	84,00%	84,00%	84,00%	84,00%	84,00%	84,00%	Số 748 Cù Chính Lan, tổ 1, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	31 tháng 03 năm 2025			31 tháng 12 năm 2024			Trụ sở chính	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết		
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế ("Công ty Du lịch Quốc tế")	86,56%	86,56%	86,56%	86,56%	86,56%	86,56%	Biệt thự BT-3.1, khu đô thị mới thuộc Dự án số 4 Khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.
9	Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS ("Công ty IKCONS") (i)	36,98%	51,00%	36,98%	51,00%	51,00%	51,00%	Tầng 7, tòa nhà ICON4 TOWER số 243A Đê La Thành, phường Lăng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng và đầu tư, kinh doanh bất động sản.
10	Công ty TNHH Quản lý Tòa nhà ALC Hạ Long ("Công ty Quản lý ALC") (i)	99,00%	100,00%	99,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Lô đất H30-H33 bán đảo số 2, khu đô thị dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Khai thác quản lý vận hành tòa nhà
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản nghi dưỡng Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng") (trước đây là Công ty TNHH Khu nghỉ mát P&I)	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	Số 29 đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống.
12	Công ty Cổ phần Taseco Hải Phòng ("Công ty Taseco Hải Phòng")	50,50%	50,50%	50,50%	50,50%	50,50%	50,50%	Phòng 3, Tầng 2, Tòa nhà Bạch Đằng, 268 Trần Nguyên Hân, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.
13	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Taseco Hải phòng ("Công ty Taseco Hải phòng KCN")	70,00%	70,00%	-	-	-	-	Phòng 3, Tầng 2, Tòa nhà Bạch Đằng, 268 Trần Nguyên Hân, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê.

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này gián tiếp thông qua các công ty con khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 vào ngày 26 tháng 4 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền nếu đáng kể tại ngày kết thúc kỳ kế toán và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp tính theo giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với bất động sản để bán, nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Vật kiến trúc	4 – 6 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 6 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Tài sản cố định khác	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và quyền sử dụng đất 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho các dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa các bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế đồng kiểm soát

Trong trường hợp Công ty được chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC và Công ty có quyền đồng kiểm soát BCC với các bên tham gia BCC. Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu, chi phí như được quy định trong Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, trong trường hợp này, Công ty sẽ ghi nhận doanh thu và chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ được hưởng quy định trong BCC.

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế Công ty là bên kiểm soát

Trong trường hợp Công ty được chia lợi nhuận sau thuế phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC và Công ty là bên kiểm soát BCC, Công ty sẽ ghi nhận phần lợi nhuận sau thuế chia sẻ cho các bên tham gia BCC vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ được hưởng quy định trong BCC.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh, trong đó, chi phí phát hành cổ phiếu là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các bất động sản và hàng hóa đã bán trong quá khứ.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định của HĐQT và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.18 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản hỗ trợ theo chương trình bán hàng mang tính chất giảm trừ vào doanh thu được ghi giảm vào chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" đối với hợp đồng bán nhà ở trong tương lai chưa đủ điều kiện ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Các khoản tiền nhận từ khách hàng, dưới hình thức hợp đồng đặt cọc được phản ánh trong tài khoản "Phải trả khác" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản thanh toán theo hợp đồng mua bán nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán riêng đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc được xác nhận bởi khách hàng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh bất động sản và các dịch vụ liên quan là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Thành lập Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Taseco Hải phòng

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2025/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phê duyệt chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Taseco Hải phòng. Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Taseco Hải Phòng là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0202279876 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 3 năm 2025 với Vốn điều lệ đã đăng ký là 300 tỷ đồng, trong đó Công ty nắm giữ 70,00% tỷ lệ sở hữu.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Taseco Hải Phòng KCN là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	89.485.918	1.031.122.052
Tiền gửi ngân hàng	227.104.344.523	90.294.779.747
Tiền đang chuyển	50.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	190.600.824.055	256.956.080.000
TỔNG CỘNG	467.794.654.496	348.281.981.799

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 bao gồm vàng với giá trị là 116.080.000 VND và các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,75%/năm.

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là khoản kinh phí bảo trì của Dự án Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ chung cư Alacarte Hạ Long ("Dự án ALC Hạ Long"). Các khoản kinh phí bảo trì này sẽ được bàn giao cho Ban Quản trị tòa nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	
	Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn	106.817.698.959	106.817.698.959	66.730.000.000	66.730.000.000
	106.817.698.959	106.817.698.959	66.730.000.000	66.730.000.000

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,6%/năm, trong đó:

- Một số khoản tiền gửi đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện Dự án số 4 thuộc Khu đô thị mới trung tâm thành phố Thanh Hóa ("Dự án số 4 Thanh Hóa") và Dự án Khu nhà ở thuộc Khu tái định cư Hải Yến tại phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ("Dự án Hải Yến").
- Một số khoản tiền gửi đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại.

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 cũng bao gồm khoản kinh phí bảo trì của Dự án ALC Hạ Long. Các khoản kinh phí bảo trì này sẽ được bàn giao cho Ban Quản trị tòa nhà.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	275.166.280.700	305.884.023.936
Phải thu từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	84.761.054.100	84.761.054.100
Phải thu từ các hoạt động khác	13.528.439.283	11.921.638.066
TỔNG CỘNG	373.455.774.083	402.566.716.102

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	332.015.415.570	358.398.692.956
Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	41.440.358.513	44.168.023.146
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.091.495.542)	(1.091.495.542)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trung tâm Quỹ đất Thanh Hóa (i)	27.840.441.794	27.840.441.794
Các khoản trả trước khác	404.010.181.117	37.700.205.959
TỔNG CỘNG	431.850.622.911	65.540.647.753
Dự phòng trả trước khó đòi	(15.000.000)	(15.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

- (i) Đây là khoản tiền trả trước cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thanh Hóa cho mục đích thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án số 4 Thanh Hóa theo Hợp đồng thực hiện dự án đầu tư số 18/TTPTQĐ/2020/HĐĐTĐA.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay các bên khác (i)	16.340.000.000	16.340.000.000
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	94.100.000.000	265.250.000.000
TỔNG CỘNG	110.440.000.000	281.590.000.000

- (i) Đây là khoản cho vay tín chấp với Công ty TNHH Riverview Lương Sơn với lãi suất từ 7,0%/năm đến 10,5%/năm, gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ tháng 8 năm 2025 đến tháng 2 năm 2026.

9. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Đặt cọc nhận chuyển nhượng bất động sản	127.000.000.000	-	127.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	20.726.815.724	-	16.034.617.089	-
Đầu tư góp vốn để thực hiện dự án	13.527.830.166	-	13.090.911.418	-
Tạm ứng	94.306.331.966	-	8.733.743.306	-
Phải thu cổ tức	8.336.000.000	-	8.336.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	16.215.949.646	-	25.605.977.456	-
TỔNG CỘNG	280.112.927.502	-	198.801.249.269	-
Trong đó:				
Phải thu từ các bên khác	251.291.703.008	-	174.765.285.983	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	28.821.224.494	-	24.035.963.286	-
Dài hạn				
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (i)	499.743.310.250	-	461.688.179.000	-
Đầu tư góp vốn để thực hiện dự án	9.860.526.966	-	9.860.526.966	-
Phải thu dài hạn khác	922.500.000	-	1.122.500.000	-
TỔNG CỘNG	510.526.337.216	-	472.671.205.966	-

- (i) Đây là khoản phải thu liên quan đến các khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Công ty đã thực hiện chi trả theo các Quyết định của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hà Nam cho Dự án Khu Công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III và Dự án Khu đô thị mới phía nam trung tâm Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang					
Dự án số 4 Thanh Hóa	3.536.362.344.449	-	3.667.055.909.716	-	
Dự án Khu nhà ở cao tầng Long Biên, Việt Hưng	1.529.345.408.446	-	1.642.521.808.337	-	
Dự án Hải Yên	911.256.822.563	-	892.262.193.775	-	
Dự án tổ hợp thương mại, dịch vụ, hỗn hợp Nam Thái, Thái Nguyên	594.691.822.834	-	642.419.468.669	-	
Dự án Khu đô thị mới phía Nam trung tâm hành chính thị xã Duy Tiên - Hà Nam	459.003.849.121	-	448.264.194.904	-	
Thành phẩm bất động sản					
Dự án N01-T6 Khu Đoàn Ngoại giao	42.064.441.485	-	41.588.244.031	-	
Dự án ALC Hạ Long	120.860.285.956	-	133.933.952.494	-	
Dự án Khu nhà ở Riverview Lương Sơn	20.565.665.016	-	22.592.303.615	-	
Hàng tồn kho khác	96.974.826.241	-	98.684.119.541	-	
	3.319.794.699	-	12.657.529.338	-	
	747.602.393	-	828.870.627	-	
TỔNG CỘNG	3.657.970.232.798	-	3.801.818.732.837	-	

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, quyền tài sản phát sinh từ/liên quan đến Dự án số 4 Thanh Hóa, Dự án Khu nhà ở cao tầng Long Biên, Việt Hưng, Dự án Hải Yên và Dự án tổ hợp thương mại, dịch vụ, hỗn hợp Nam Thái, Thái Nguyên đang được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	2.252.441.676	3.699.065.867	36.382.714.385	1.250.206.152	43.584.428.080
- Thanh lý trong kỳ	-	-	(54.545.455)	-	(54.545.455)
Số cuối kỳ	2.252.441.676	3.699.065.867	36.328.168.930	1.250.206.152	43.529.882.625
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.252.441.676	2.085.354.545	6.361.338.930	1.175.306.152	11.874.441.303
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	2.252.441.676	2.815.373.687	14.375.453.732	1.181.547.820	20.624.816.915
- Khấu hao trong kỳ	-	86.273.223	985.179.234	4.681.251	1.076.133.708
- Thanh lý trong kỳ	-	-	(54.545.455)	-	(54.545.455)
Số cuối kỳ	2.252.441.676	2.901.646.910	15.306.087.511	1.186.229.071	21.646.405.168
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	883.692.180	22.007.260.653	68.658.332	22.959.611.165
Số cuối năm	-	797.418.957	21.022.081.419	63.977.081	21.883.477.457

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty sử dụng một số tài sản là phương tiện vận tải làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Taseco	267.197.743.979	266.571.280.174
Quảng Bình (*)	268.484.448.795	191.952.447.896
Dự án Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III (*)	35.069.587.280	34.739.718.093
Các dự án khác		
TỔNG CỘNG	570.751.780.054	493.263.446.163

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, một số lô đất thuộc các dự án này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 31,7 tỷ VND (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024: 54,17 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	2.786.928.228.341	-	2.786.928.228.341	2.786.928.228.341	-	2.786.928.228.341	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	10.957.950.000	(790.909.450)	10.167.040.550	34.078.500.000	(790.909.450)	33.287.590.550	
TỔNG CỘNG	2.797.886.178.341	(790.909.450)	2.797.095.268.891	2.821.006.728.341	(790.909.450)	2.820.215.818.891	

14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Giá trị hợp lý	Giá trị	Giá trị hợp lý	
Công ty Taseco Invest	1.282.800.000.000	(i)	1.282.800.000.000	(i)	
Công ty ICON4 (ii)	587.602.915.205		587.602.915.205		
Công ty TAH (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	
Công ty Quản lý BĐS	147.160.016.113	(i)	147.160.016.113	(i)	
Công ty Phú Mỹ	118.800.000.000	(i)	118.800.000.000	(i)	
Công ty ALC Hạ Long	297.000.000.000	(i)	297.000.000.000	(i)	
Công ty Yên Bình (Thuyết minh số 4)	8.718.000.000	(i)	8.718.000.000	(i)	
Công ty Du lịch Quốc tế	132.000.000.000	(i)	132.000.000.000	(i)	
Công ty Taseco Đà Nẵng	211.847.297.023	(i)	211.847.297.023	(i)	
Công ty Taseco Hải Phòng (Thuyết minh số 4)	1.000.000.000	(i)	1.000.000.000	(i)	
TỔNG CỘNG	2.786.928.228.341		2.786.928.228.341		

Thông tin về tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty con (tiếp theo)

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày gần nhất có giao dịch trên thị trường chứng khoán tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Công nghệ Viết Nam ("Công ty Vinconstec")	10.957.950.000	(790.909.450)	15,00%	15,00%	34.078.500.000	(790.909.450)

Công ty Vinconstec là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101431725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 10 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội ngày 10 tháng 3 năm 2025. Công ty Vinconstec có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà N01-T4 Khu Đoàn ngoại giao, đường Hoàng Minh Thảo, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 2 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Vinconstec đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ của Công ty Vinconstec từ 300 tỷ VND xuống còn 68 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty Vinconstec đã hoàn tất việc giảm vốn này.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	81.739.806.239	122.113.273.675
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Cơ điện		
lạnh R.E.E	22.000.000.000	37.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	59.739.806.239	85.113.273.675
Phải trả cho các bên liên quan	431.708.213.537	198.600.003.945
(Thuyết minh số 28)		
TỔNG CỘNG	513.448.019.776	320.713.277.620

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm số dư các khoản thanh toán theo tiến độ từ các khách hàng ký hợp đồng mua bất động sản tại các dự án bất động sản của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp/cán trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	16.581.718.501	17.174.246.892	(6.951.173.388)	26.804.792.005
Thuế TNDN	43.961.557.308	9.961.948.696	(506.123.871)	53.417.382.133
Thuế thu nhập cá nhân	354.665.007	3.997.441.414	(3.944.463.516)	407.642.905
Các loại thuế và phí khác	-	846.151.648	(854.984.981)	(8.833.333)
TỔNG CỘNG	60.897.940.816	31.979.788.650	(12.256.745.756)	80.620.983.710

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí phát triển dự án và chi phí xây dựng và chi phí dự án khác	64.940.691.975	65.112.471.524
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới, hỗ trợ lãi suất và các chi phí bán hàng khác	20.080.893.267	24.498.566.923
Trích trước chi phí lãi vay	-	11.195.700.605
TỔNG CỘNG	85.021.585.242	100.806.739.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí bảo trì (i)	66.227.581.267	65.752.293.196
Nhận đặt cọc liên quan tới các dự án bất động sản	84.924.127.136	57.793.315.510
Chi phí lãi vay phải trả	53.166.763.663	36.510.564.535
Nhận góp vốn đầu tư thực hiện dự án bất động sản và lợi nhuận phân chia phải trả (ii)	203.435.904.846	198.599.691.311
Phải trả ngắn hạn khác	4.156.407.347	9.350.513.651
TỔNG CỘNG	411.910.784.259	368.006.378.203
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn cho các bên khác	169.152.958.779	138.018.256.134
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	242.757.825.480	229.988.122.069
(i) Đây là phần kinh phí bảo trì Công ty thu từ khách hàng mua căn hộ của Dự án ALC Hạ Long và sẽ được bàn giao cho Ban Quản trị Tòa nhà.		
Dài hạn		
Nhận góp vốn đầu tư thực hiện dự án bất động sản và lợi nhuận phân chia phải trả (ii)	103.786.581.098	103.786.581.098
TỔNG CỘNG	103.786.581.098	103.786.581.098
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn cho các bên khác	56.248.159.539	56.248.159.539
Phải trả dài hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	47.538.421.559	47.538.421.559
(ii) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 bao gồm các khoản nhận góp vốn và lợi nhuận phân chia phải trả (nếu có) cho các đối tác doanh nghiệp và các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác liên danh/hợp đồng hợp tác đầu tư trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát để thực hiện một số dự án của Công ty. Theo các hợp đồng này, các bên tham gia cam kết góp vốn đầu tư dự án, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn và một số điều kiện cụ thể như được đề cập tại các hợp đồng.		

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
		Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng	19.1	246.493.389.293	14.959.677.429	(17.610.851.361)	243.842.215.361
Vay các bên liên quan	28	496.538.800.000	58.000.000.000	(8.038.800.000)	546.500.000.000
Vay các bên liên quan dài hạn đến hạn trả	28	17.705.579.260	202.950.000.000	(17.705.579.260)	202.950.000.000
Vay các đối tượng khác	19.2	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	19.1	39.383.029.533	125.000.000	(8.516.029.533)	30.992.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	19.3	278.728.843.236	634.407.902	-	279.363.251.138
TỔNG CỘNG		1.080.849.641.322	276.669.085.331	(53.871.260.154)	1.303.647.466.499
Vay dài hạn					
Vay ngân hàng	19.1	2.692.151.834.095	40.600.119.802	(121.897.970.467)	2.610.853.983.430
Vay các bên liên quan	28	237.150.000.000	-	(237.150.000.000)	-
TỔNG CỘNG		2.929.301.834.095	40.600.119.802	(359.047.970.467)	2.610.853.983.430

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%) / năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	32.419.761.753	Gốc vay trả theo thời hạn quy định trong từng giấy nhận nợ với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5% - 7,5%	Tín chấp
	45.500.000.000	Gốc vay trả theo thời hạn quy định trong từng giấy nhận nợ với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	7,0%	(i)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	165.922.453.608	Gốc vay trả theo thời hạn quy định trong từng giấy nhận nợ với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 10 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng.	7,0% - 8,0%	(ii)
TỔNG CỘNG	243.842.215.361			

(i) Tài sản đảm bảo của khoản vay này là một số khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty .

(ii) Tài sản đảm bảo của khoản vay này là một số khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty, Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận số CX 924353 tại Thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình của Công ty và 10 triệu cổ phiếu niêm yết của Công ty thuộc sở hữu của Taseco Group.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	820.000.000.000	Thanh toán gốc theo lịch trả nợ của ngân hàng bắt đầu từ tháng 3 năm 2025 tới tháng 6 năm 2028. Lãi vay trả hàng quý.	Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 9,0%	(iii)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	503.398.136.641	Thanh toán gốc theo lịch trả nợ của ngân hàng bắt đầu từ tháng 3 năm 2025 tới tháng 11 năm 2027. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 8,8%	(iv)
	295.278.842.181	Thanh toán gốc theo lịch trả nợ của ngân hàng bắt đầu từ tháng 3 năm 2025 tới tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.		(v)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	325.405.408.660	Thanh toán gốc theo lịch trả nợ của ngân hàng bắt đầu từ tháng 11 năm 2025 tới tháng 5 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 7,0%	(vi)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I	2.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý đến tháng 2 năm 2029.	Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 7,4%	(vii)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	492.000.000 695.271.595.948	Gốc và lãi vay trả hàng quý đến tháng 12 năm 2025. Thanh toán gốc theo lịch trả nợ của ngân hàng từ thời điểm phát sinh dòng tiền thu từ dự án tới tháng 7 năm 2027. Lãi vay trả hàng quý.	Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 7,9% Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 6,0%	(viii)
TỔNG CỘNG	2.641.845.983.430			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	30.992.000.000			
Vay dài hạn	2.610.853.983.430			

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

- (iii) Tài sản đảm bảo là quyền tài sản gắn liền với Dự án số 4 Thanh Hóa.
- (iv) Tài sản đảm bảo là Quyền tài sản gắn liền với Dự án Hải Yến.
- (v) Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Dự án tổ hợp thương mại, dịch vụ, hỗn hợp Nam Thái.
- (vi) Tài sản đảm bảo là quyền tài sản và động sản hình thành thuộc dự án Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, các quyền, lợi ích của bên thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản nêu trên.
- (vii) 02 Phương tiện vận tải của Công ty.
- (viii) Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền khai thác, quản lý Dự án Khu nhà ở cao tầng Long Biên, Việt Hưng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu được trình bày như sau:

Đơn vị tư vấn phát hành	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương	129.689.516.528	Gốc đáo hạn vào ngày 30 tháng 5 năm 2025. Lãi vay trả hàng quý.	Kỳ đầu tiên 11%/năm; kỳ thứ 2 trở đi là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở + Biên độ 4%/năm (không thấp hơn 11%/năm). Lãi suất trong năm là 11%/năm.	(ix)
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội	149.673.734.610	Gốc đáo hạn vào ngày 24 tháng 8 năm 2025. Lãi vay trả hàng quý.	12,3%/năm.	(x)
TỔNG CỘNG	279.363.251.138			

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	280.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(636.748.862)

(ix) Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất của Công ty theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 386, lô đất số CY 108500 tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và 30 triệu cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của Taseco Group.

(x) Tài sản đảm bảo là 4 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Taseco Airs") thuộc sở hữu của Taseco Group và 9 triệu cổ phần của Công ty ICON4 thuộc sở hữu của Bà Đoàn Thị Phương Thảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Số đầu năm	25.977.101.036	4.830.000.000
Sử dụng trong kỳ	(8.064.222.222)	(4.830.000.000)
Số cuối kỳ	17.912.878.814	-

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	2.970.000.000.000	109.480.005.000	529.982.551.040	3.609.462.556.040
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	52.301.291.847	52.301.291.847
Số cuối kỳ	2.970.000.000.000	109.480.005.000	582.283.842.887	3.661.763.847.887
Năm nay:				
Số đầu năm	2.970.000.000.000	109.480.005.000	833.519.012.289	3.912.999.017.289
- Tăng vốn trong kỳ (*)	148.500.000.000	-	-	148.500.000.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	33.616.883.394	33.616.883.394
Số cuối kỳ	3.118.500.000.000	109.480.005.000	867.135.895.682	4.095.115.900.682

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2024/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2024. Theo đó, tổng số cổ phiếu chào bán là 14.850.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng số tiền là 148,5 tỷ VND. Sau đợt chào bán này, tổng số vốn của Công ty tăng lên là 3.118,5 tỷ VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 22 vào ngày 11 tháng 3 năm 2025.

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phần thường	Tổng số	Cổ phần thường
Taseco Group	2.260.673.478.000	2.260.673.478.000	2.153.022.360.000	2.153.022.360.000
Các cổ đông khác	857.826.522.000	857.826.522.000	816.977.640.000	816.977.640.000
TỔNG CỘNG	3.118.500.000.000	3.118.500.000.000	2.970.000.000.000	2.970.000.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	2.970.000.000.000	2.970.000.000.000
Số đầu năm	148.500.000.000	-
Tăng trong kỳ		
Số cuối kỳ	3.118.500.000.000	2.970.000.000.000

21.4 Cổ phần

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký và đã phát hành	311.850.000	3.118.500.000.000	297.000.000	2.970.000.000.000
Cổ phần phổ thông	311.850.000	3.118.500.000.000	297.000.000	2.970.000.000.000
Cổ phần đang lưu hành	311.850.000	3.118.500.000.000	297.000.000	2.970.000.000.000
Cổ phần phổ thông	311.850.000	3.118.500.000.000	297.000.000	2.970.000.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phần).

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Tổng doanh thu	325.429.089.764	128.046.409.944
Trong đó:		
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	323.996.900.086	126.542.840.790
Doanh thu từ hoạt động khác	1.432.189.678	1.503.569.154
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	325.429.089.764	128.046.409.944
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	324.135.788.974	128.046.409.944
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.293.300.790	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	26.745.830.000
Lãi tiền gửi, cho vay	6.156.269.828	2.897.080.786
TỔNG CỘNG	6.156.269.828	29.642.910.786

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Giá vốn từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	203.482.918.376	84.037.044.328
Giá vốn từ hoạt động khác	685.515.803	1.454.299.320
TỔNG CỘNG	204.168.434.179	85.491.343.648

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Chi phí lãi vay	44.670.909.798	5.639.073.582
Chi phí tài chính khác	5.470.621.437	53.457.983
TỔNG CỘNG	50.141.531.235	5.692.531.565

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Chi phí bán hàng		
- Chi phí môi giới bất động sản	8.044.518.969	411.770.568
- Chi phí bán hàng khác liên quan đến các dự án bất động sản	1.659.983.319	-
TỔNG CỘNG	9.704.502.288	411.770.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	7.538.362.928	4.605.432.314
- Chi phí tài trợ, ủng hộ	-	60.000.000
- Chi phí khấu hao	1.053.274.380	910.885.477
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.557.382.863	5.588.772.055
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.977.873.822	154.994.072
TỔNG CỘNG	24.126.893.993	11.320.083.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Chi phí phát triển bất động sản để bán	59.634.418.337	149.407.203.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.261.885.151	7.043.071.375
Chi phí tài trợ, ủng hộ	-	60.000.000
Chi phí nhân công	7.538.362.928	4.605.432.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.053.274.380	910.885.477
Chi phí bằng tiền khác	8.977.873.822	566.764.640
TỔNG CỘNG	93.465.814.618	162.593.357.612

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.961.948.696	2.502.875.615
TỔNG CỘNG	9.961.948.696	2.502.875.615

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.578.832.090	54.804.167.462
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	8.715.766.418	10.960.833.492
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.246.182.279	508.343.148
Lãi vay không kể theo nghị định 68	-	72.410.985
Cổ tức được chia	-	(5.349.166.000)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(3.689.546.010)
Chi phí thuế TNDN	9.961.948.697	2.502.875.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí lãi vay đã phát sinh nhưng chưa được trừ thuế tương ứng phần diện tích chưa bàn giao cho khách hàng	675.999.293	675.999.293	-	-
Chi phí bán hàng trích trước nhưng chưa thanh toán tương ứng với phần diện tích đã bàn giao	2.805.579.033	2.805.579.033	-	-
Chi phí hỗ trợ lãi suất trích trước	3.298.044.424	3.298.044.424	-	-
Thuế TNDN tạm tính cho các khoản thanh toán trước tiền mua căn hộ của khách hàng	1.329.374.970	1.329.374.970	-	-
	8.108.997.720	8.108.997.720		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần THT Phúc Linh
Ông Phạm Ngọc Thanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Taseco Group")
Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 ("Công ty ICON4")
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam ("Công ty Bao bì")
Công ty Cổ phần Đầu tư TAH ("Công ty TAH")

Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý BĐS")
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")
Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty ALC Hạ Long")
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình ("Công ty Yên Bình")
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế ("Công ty Du lịch Quốc tế")
Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS ("Công ty IKCONS")
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Hồ Tây ("Công ty Tầm nhìn Hồ Tây")

Công ty TNHH Quản lý Tòa nhà ALC Hạ Long ("Công ty Quản lý ALC")
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản nghỉ dưỡng Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng") (trước đây là Công ty TNHH Khu nghỉ mát P&I)

Công ty Cổ phần Taseco Hải Phòng ("Công ty Taseco Hải Phòng")
Công ty Cổ phần khu công nghiệp Taseco Hải phòng ("Công ty Taseco Hải phòng KCN")

Mối quan hệ

Công ty mẹ cấp 1
Chủ sở hữu của công ty mẹ cấp 1
Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con tới ngày 20/8/2024

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con

Công ty con
Công ty con tới ngày 12/12/2024
Công ty con
Công ty con

Công ty con
Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Taseco Group	Công ty mẹ	Nhận góp vốn Chia sẻ lợi nhuận từ thực hiện Dự án Nhận góp vốn thực hiện dự án	57.961.110.000 2.418.106.768 -	- - 3.671.200.000
Công ty IMCS	Công ty con	Chi phí thuê văn phòng Cổ tức được chia Chi phí quản lý tòa nhà	2.575.818.000 - 1.821.543.949	2.630.293.500 3.096.900.000 1.678.551.457
Công ty Du lịch Quốc tế	Công ty con	Doanh thu dịch vụ Chi phí lãi vay Cổ tức được chia	- 1.607.054.795 -	229.250.972 - 2.640.080.000
Công ty Phát triển Hồ Tây	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	Đi vay Trả gốc vay Doanh thu dịch vụ Thu tiền cho vay Doanh thu cho vay Chi phí lãi vay	- 1.580.000.000 109.090.909 - - 2.121.096	4.500.000.000 4.500.000.000 109.090.909 29.500.000.000 353.739.725 -
Công ty Taseco Invest	Công ty con	Đi vay Trả gốc vay Chi phí lãi vay Thu tiền cho vay Doanh thu dịch vụ	58.000.000.000 34.200.000.000 7.562.001.370 - 392.727.273	48.000.000.000 4.000.000.000 535.609.589 20.700.000.000 692.727.273
Công ty ICON4	Công ty con	Chi phí dịch vụ	56.144.236.357	12.322.415.911
Công ty ALC Hạ Long	Công ty con	Cho vay Chi phí dịch vụ Thu tiền cho vay Doanh thu cho vay Chi phí dịch vụ	16.700.000.000 1.335.656.942 200.000.000.000 4.174.224.661 -	23.500.000.000 730.323.191 - 1.252.160.272 3.307.179.879
Công ty Phúc Linh	Công ty mẹ cấp 1			

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

				Đơn vị tính: VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Công ty Phú Mỹ	Công ty con	Trả gốc vay	6.458.800.000	20.500.000.000
		Cho vay	5.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	46.636.392	528.424.545
		Doanh thu cho vay	49.863.013	-
		Cổ tức được chia	-	8.316.200.000
		Chia sẻ lợi nhuận từ thực hiện Dự án	2.418.106.768	-
		Nhận góp vốn thực hiện dự án	-	3.671.200.000
		Đi vay	-	48.928.800.000
Công ty IKCONS	Công ty con	Chi phí dịch vụ xây lắp	523.838.759	127.965.500.728
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	2.650.000.000	-
		Doanh thu dịch vụ	708.982.608	-
		Doanh thu cho vay	47.034.248	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	601.652.397	318.352.741
Công ty Vinconstec	Công ty nhận góp vốn đầu tư	Chi phí lãi vay phải trả	148.351.189	244.155.956
		Doanh thu dịch vụ	82.500.000	82.500.000
		Cho vay	4.500.000.000	-
		Trả gốc vay	17.705.579.260	-
		Doanh thu cho vay	29.342.466	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Công ty TAH	Công ty con tới ngày 20 tháng 8 năm 2024	Thu hồi cho vay	-	151.857.200.000
		Cổ tức được chia	-	9.140.850.000
		Doanh thu dịch vụ	-	300.000.000
		Lãi cho vay	-	43.684.949
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	55.576.730.046

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch mua và cung cấp hàng hóa, dịch vụ và giao dịch chuyển nhượng cổ phần với các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận giữa các bên. Các giao dịch đi vay và cho vay các bên liên quan có lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng vay và cho vay.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và các khoản đi vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty không trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty ALC Hạ Long	Công ty con	Chuyển nhượng BĐS	18.568.038.396	18.568.038.396
Công ty Taseco Invest	Công ty con	Phí tư vấn quản lý dự án	6.492.000.000	6.060.000.000
Công ty Phát triển Hồ Tây	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	Phí tư vấn quản lý dự án	120.000.000	-
		Chuyển nhượng BĐS	3.554.026.700	3.554.026.700
Bà Nguyễn Đào Anh Thư	Thành viên gia đình mật thiết của Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng BĐS	3.308.447.500	3.308.447.500
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng BĐS	2.956.569.500	2.956.569.500
Công ty Cổ phần Đầu tư TLI	Công ty có mối quan hệ với thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng BĐS	2.601.190.200	2.601.190.200
Bà Đào Vân Trang	Thành viên gia đình mật thiết của Phó Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng BĐS	2.180.085.000	2.180.085.000
Ông Đỗ Việt Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng BĐS	-	2.100.000.000
Ông Vũ Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng BĐS	-	1.247.509.700
Các bên liên quan khác			1.660.001.217	1.592.156.150
			41.440.358.513	44.168.023.146

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 như sau (Thuyết minh số 8):				Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo Tin chấp
Bên nhận vay	Mối quan hệ	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	7,0%	Tin chấp
Công ty ALC Hạ Long	Công ty con	79.900.000.000	Gốc và lãi thanh toán cuối cùng tại thời điểm đáo hạn tháng 1 năm 2026	7,0%	Tin chấp
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	4.700.000.000	Gốc và lãi thanh toán cuối cùng tại thời điểm đáo hạn tháng 3 năm 2026	7,0%	Tin chấp
Công ty Phú Mỹ	Công ty con	5.000.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn tháng 2 năm 2026	7,0%	Tin chấp
Công ty Vinconstec	Công ty nhận góp vốn đầu tư	4.500.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn tháng 2 năm 2026	7,0%	Tin chấp
TỔNG CỘNG		94.100.000.000			
Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (Thuyết minh số 8):				Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo Tin chấp
Bên nhận vay	Mối quan hệ	Số đầu năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	7,0%	Tin chấp
Công ty ALC Hạ Long	Công ty con	263.200.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 15 tháng 1 năm 2025 đến ngày 20 tháng 12 năm 2025	7,0%	Tin chấp
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	2.050.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 18 tháng 6 năm 2025 đến ngày 14 tháng 11 năm 2025	7,0%	Tin chấp
TỔNG CỘNG		265.250.000.000			

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty ALC Hạ Long	Công ty con	Chi hộ tiền điện, nước	3.079.172.410	2.930.887.769
		Kinh phí bảo trì	-	6.689.739
		Phải thu lãi vay	11.269.226.013	7.095.001.352
		Chi hộ dịch vụ	-	134.312.671
Công ty Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu cổ tức, lãi vay	8.365.863.013	8.316.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TLI	Công ty có mối quan hệ với thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Phải thu chi hộ	2.806.102.749	2.806.102.749
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	1.391.272.648	1.331.315.236
Công ty Quản lý BĐS	Công ty con	Phải thu lãi vay	87.586.302	40.552.054
Các bên liên quan khác	Công ty con	Chi hộ dịch vụ	1.307.839.213	890.282.036
		Phải thu khác	514.162.146	484.819.680
			28.821.224.494	24.035.963.286
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty ICON4	Công ty con	Phải trả dịch vụ xây lắp	349.185.574.627	118.221.234.032
Công ty IKCONS	Công ty con	Phải trả dịch vụ xây lắp	65.233.679.817	69.303.526.075
Công ty Quản lý BĐS	Công ty con	Chi phí cung cấp dịch vụ	14.907.830.938	10.573.390.320
Các bên liên quan khác		Chi phí cung cấp dịch vụ	2.381.128.155	501.853.518
			431.708.213.537	198.600.003.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty Phú Mỹ	Công ty con	Nhận góp vốn và lợi nhuận phân chia thực hiện dự án	100.948.144.864	98.530.038.097
		Lãi vay phải trả	2.046.953.267	2.000.316.875
Taseco Group	Công ty mẹ	Nhận góp vốn và lợi nhuận phân chia thực hiện dự án	102.487.759.981	100.069.653.213
Công ty Taseco Invest	Công ty con	Lãi vay phải trả	20.203.189.588	12.667.188.218
Công ty IKCONS	Công ty con	Lãi chậm thanh toán	6.043.552.470	6.043.552.470
Công ty ICON4	Công ty con	Lãi chậm thanh toán	5.857.957.823	5.857.957.823
Các bên liên quan khác		Lãi vay phải trả	5.170.267.486	4.819.415.373
			242.757.825.480	229.988.122.069
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Ông Đoàn Duy Chinh	Thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn thực hiện dự án	33.347.847.960	33.347.847.960
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên gia đình mật thiết của Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn thực hiện dự án	14.190.573.599	14.190.573.599
			47.538.421.559	47.538.421.559

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 như sau (Thuyết minh số 19):

Bên cho vay	Mối quan hệ	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Taseco Invest	Công ty con	630.950.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn cuối cùng tháng 3 năm 2026	5,0%- 5,5%	Tín chấp
Công ty Du lịch Quốc tế	Công ty con	118.500.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào tháng 9 năm 2025	5,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG		749.450.000.000			

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (Thuyết minh số 19):

Bên cho vay	Mối quan hệ	Số đầu năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Taseco Invest	Công ty con	370.000.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào ngày 19 tháng 12 năm 2025	5,0%	Tín chấp
Công ty Du lịch Quốc tế	Công ty con	118.500.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào ngày 12 tháng 9 năm 2025	5,5%	Tín chấp
Công ty Phú Mỹ	Công ty con	6.458.800.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn từ ngày 19 tháng 1 năm 2025	7,8%	Tín chấp
Công ty Phát triển Hồ Tây	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	1.580.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào ngày 17 tháng 9 năm 2025	7,0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG		496.538.800.000			

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (Thuyết minh số 19):

Bên cho vay	Mối quan hệ	Số đầu năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Taseco Invest	Công ty con	237.150.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào ngày 28 tháng 2 năm 2026.	5,50%	Tin chấp
Công ty Vinconstec	Công ty nhận góp vốn đầu tư	17.705.579.260	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn vào ngày 30 tháng 3 năm 2025	5,5%	(i)
TỔNG CỘNG		254.855.579.260			

(i) Tài sản đảm bảo là 3.332.055 cổ phần của Công ty tại Công ty Vinconstec và toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ cổ phần đó (bao gồm toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến cổ phần được thế chấp, các quyền lợi phát sinh trong thời gian thế chấp).

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2025	Giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2024
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT	1.045.000.000	745.000.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó chủ tịch HĐQT	1.030.000.000	630.000.000
Ông Nguyễn Trần Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.160.062.500	917.525.000
Ông Đỗ Việt Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	865.254.167	689.525.000
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	647.222.222	499.000.000
Bà Cao Thị Lan Hương	Phó Tổng giám đốc	677.468.750	552.375.000
Ông Bùi Xuân Vương	Phó Tổng Giám đốc	525.437.500	463.750.000
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	694.187.500	471.327.750
Ông Vũ Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	876.833.333	684.500.000
Ông Ngô Thanh Dũng	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 3 tháng 6 năm 2024	324.618.056	72.875.000
Ông Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc tới ngày 1 tháng 11 năm 2024	-	437.875.000
		7.846.084.028	6.635.201.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tiền lương của Ban Kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương của Ban kiểm soát	36.333.333	33.000.000

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 4 năm 2025


Vũ Thị Khánh Hà
Người lập


Nguyễn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng


Nguyễn Trần Tùng
Tổng Giám đốc

